TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 58 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/ 10/2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 18/10/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2019, về việc "ly hôn , tranh chấp nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Giáo viên trường THCS thị trấn V.

Bị đơn: Anh Vũ Hồng D, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Phân kho K820C, kho K820, cục Kỹ thuật, Bộ tư lệnh Công Binh thuộc xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Quân nhân chuyên nghiệp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị N trình bày: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/9/2019 cũng như các biên bản hòa giải ngày 30/7/2019, ngày 20/09/2019 và tại phiên tòa:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Hồng D có đăng kí kết hôn ngày 26/12/2000 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chị sinh sống tại khu phố Long Vân, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến xô sát, nhiều lần anh D đánh vợ và các con và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, nhiều lần chính quyền địa phương đã đến hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng nặng nề, không khí gia đình luôn căng thẳng, không có sự tôn trọng lẫn nhau. Gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có hiệu quả. Nay xét thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vũ Hồng D.

2. Về con chung*:* Vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu Vũ Mạnh T, sinh ngày 05/9/2001 và cháu Vũ Mạnh D, sinh ngày 05/12/2007. Hiện nay cháu T đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu D đang ở với chị N. Khi ly hôn chị mong muốn được nuôi cháu D và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, công nợ chung*:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D trình bày: Trong bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh D xác định lời khai của chị N về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng.

1. Về tình cảm: Anh không muốn ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với vợ con, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái, và muốn Tòa án tạo điều kiện về thời gian cho anh để anh hàn gắn tình cảm với vợ con, nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng sẽ nhất trí ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Anh nhất trí với ý kiến của chị N, anh đồng ý để chị N nuôi cháu D và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo Pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý: Bị đơn anh Vũ Hồng D có chỗ ở tại phân Kho K820C,

Kho 820C, Cục kỹ thuật, Bộ tư lệnh Công Binh tại xã P, huyện N. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án giai đoạn sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung với anh Vũ Hồng D, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn bị đơn đúng và đầy đủ theo quy định tại điều 68, 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận tài liệu chứng cứ thực hiện đã lập biên bản và ghi đầy đủ các chứng cứ do đương sự giao nộp, việc lập biên bản đúng theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 02/7/2019, Tòa án thụ lý vụ án, ngày 30/9/2019 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn mở phiên Tòa vào ngày 18/10/2019 đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc thu thập chứng cứ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa đã tiến hành đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền khởi kiện gửi đơn khởi kiện và nộp án phí đúng quy định tại các điều theo điều 186, 190, 195 TTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối đề nghị như sau, căn cứ: Căn cứ điều điều 5, 147, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Bùi Thị N. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị N với anh Vũ Hồng D.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Mạnh D, sinh ngày 05/12/2007, hiện đang ở cùng chị N cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 800.000 đồng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu Vũ Mạnh D đủ 18 tuổi.

3. Về án phí ly hôn: Chị Bùi Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh Vũ Hồng D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" giữa chị chung Bùi Thị N và anh Vũ Hồng D. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị N, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị N và anh D đã nhận và chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình . Đến ngày 20/9/2019 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

3. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Vũ Hồng D kết hôn với nhau 26/12/2000 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của hai người là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị N trình bày do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến xô sát, nhiều lần anh D đánh chị và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Gia đình và chính quyền đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn.

Đối với anh D, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do phương pháp dạy con, anh muốn đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con. Trong thời gian giải quyết, tòa án đã tạo điều kiện để anh D và chị N hòa giải. Bản thân anh D đã có những biện pháp nhất định thay đổi việc ứng xử với chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng chị N không chấp nhận và không thay đổi yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh D không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Xử ly hôn giữa chị N và anh D là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

4. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình hòa giải và Tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2019 anh D và chị N thống nhất chị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D và anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 800.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. Anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Mạnh D cùng chị N mỗi tháng 800.000 đồng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại điều 81,82, 83,110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

5. Về tài sản chung, về công nợ chung: Từ yêu cầu của chị N và đề nghị của anh D, hai bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

6.Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, chị N đã nộp được chuyển sang án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Hồng D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ Điều 5, 147, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Bùi Thị N. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Vũ Hồng D.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Mạnh D, sinh ngày 05/12/2007, hiện đang ở cùng chị N cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 800.000 đồng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu Vũ Mạnh D đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, về công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị N phải nộp 300.000 đồng, chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số: 0000026 ngày 02/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh Vũ Hồng D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện N*
- *THADS huyện N*
- *UBND xã T*
- *Đương sự*
- *Lưu/.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hà Minh Lực